TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2024
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Luận.

Ông Trần Minh Phương.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Lành, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh: Ông Nguyễn Huy Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2024/TLST-HNGĐ ngày 09/7/2024 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1986; HKTT: Thôn AD, xã LV, huyện TD, tỉnh Bắc Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Đặng Thị H, sinh năm 1990; HKTT: Thôn AD, xã LV, huyện TD, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện trú tại: Đài Loan (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn S trình bày: Anh và chị Đặng Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn AD, xã LV, huyện TD, tỉnh Bắc Ninh đã tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã LV cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04 tháng 5 năm 2010. Vợ chồng sống chung hạnh phúc. Năm 2010, anh S sang Đài Loan xuất khẩu lao động. Năm 2013, chị H cũng qua Đài Loan xuất khẩu lao động. Cuối năm 2023, do mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống nên anh S đã về Việt Nam và chị H vẫn lao động tại Đài Loan, vợ chồng ly thân kể từ đó đến

nay. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm nên đề nghị được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 24/3/2011. Hiện nay cháu đang ở với anh nên khi ly hôn anh đề nghị giao cháu Bảo cho anh chăm sóc và không đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Anh S xác nhận vợ chồng có tài sản chung là căn nhà ba tầng trên thửa đất bố mẹ đẻ anh S. Anh và chị H cùng gửi tiền về để ông bà xây dựng. Ngôi nhà ba tầng được xây dựng năm 2017 tại thôn AD, xã LV, huyện TD, tỉnh Bắc Ninh. Anh xác nhận việc chi phí xây dựng căn nhà này khoảng 1.100.000.000 đồng. Nay ly hôn, anh S tự nguyện trích trả cho chị H 600.000.000 đồng.

Bị đơn là chị Đặng Thị H có văn bản gửi về Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh trình bày: Chị H và anh S đã tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Lạc Vệ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04 tháng 5 năm 2010. Ban đầu cuộc sống vợ chồng sống chung hạnh phúc. Năm 2010, anh S sang Đài Loan xuất khẩu lao động. Năm 2013, chị H cũng qua Đài Loan. Cuối năm 2023, do mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống nên anh S đã về Việt Nam và chị H vẫn lao động tại Đài Loan. Nay anh S có đề nghị được ly hôn với chị thì chị H có quan điểm đồng ý ly hôn với anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 24/3/2011. Hiện cháu đang ở với anh Sửu, cháu B có nguyện vọng được sinh sống cùng bố thì chị cũng đồng ý, chị H tôn trọng quyết định của cháu. Về phần cấp dưỡng nuôi con thì chị H và anh S tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, công nợ: Chị H đồng ý nhận trích trả công sức 600.000.000 đồng do anh S tự nguyện trích trả.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Đặng Thị H cũng xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật; nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 37, 38, 146, 147, 227, 271, 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho anh Nguyễn Văn S được ly hôn chị Đặng

Thị H. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 24/3/2011 cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Tài sản chung và công nợ: Ghi nhận sự tự nguyện về việc trích chia công sức cho chị Đặng Thị H là 600.000.000 đồng.

Về án phí: Anh Sửu phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Anh Nguyễn Văn S đề nghị Tòa án xem xét cho anh được ly hôn với chị Đặng Thị H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Văn S, chị Đặng Thị H có hộ khẩu thường trú tại Thôn AD, xã LV, huyện TD, tỉnh Bắc Ninh; tại thời điểm thụ lý vụ án chị Đặng Thị H đang lao động Đài Loan. Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin về thời gian xuất nhập cảnh tại Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Bắc Ninh được biết, chị Đặng Thị H đã xuất cảnh lần gần nhất là ngày 18/3/2020 qua cửa khẩu Nội Bài và hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Anh S và chị H vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên anh S đã có đơn xin xét xử vắng mặt và chị H có văn bản gửi về Tòa án thể hiện ý kiến của mình về việc giải quyết tranh chấp và đề nghị được giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh S và chị H theo quy định của pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã đăng kí kết hôn vào ngày 04/5/2010 tại UBND xã Lạc Vệ nên đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo luật định. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của anh S và chị H là hợp pháp.

Quá trình chung sống, ban đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, vợ chồng cùng nhau chung sống và làm việc tại Đài Loan. Cuối năm 2023, do mâu thuẫn nên anh S về Việt Nam còn chị H ở lại Đài Loan nên vợ chồng sống ly thân.

Anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn chị H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H có gửi lời khai về Tòa án trình bày về quan hệ hôn nhân cũng như mâu thuẫn giống như anh S đã trình bày. Chị H có quan điểm đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng anh S, chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của anh S là có căn cứ, phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng nên cần được chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh S, xử cho anh Nguyễn Văn S được ly hôn chị Đặng Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 24/3/2011. Anh S trình bày hiện nay cháu đang ở với anh nên khi ly hôn anh đề nghị giao cháu B cho anh chăm sóc và không đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H có quan điểm tôn trọng quyết định của cháu B, nếu cháu B có nguyện vọng ở với bố thì chị đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án cháu B có lời trình bày nguyện vọng được bố nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu B đang sống ổn định cùng anh S, tránh xáo trộn môi trường sinh hoạt, học tập và đáp ứng nguyện vọng của cháu muốn được sống cùng bố nên cần chấp nhận đề nghị của anh S, giao cháu Nguyễn Gia B cho anh S nuôi dưỡng là phù hợp. Trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung do đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

Tài sản chung và công nợ: Anh S xác nhận vợ chồng có tài sản chung là căn nhà ba tầng xây dựng năm 2017 tại thôn An Động, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh trên thửa đất bố mẹ đẻ anh S. Anh xác nhận trước đây xây dựng căn nhà này chi phí khoảng 1.100.000.000 đồng. Nay ly hôn anh S tự nguyện trích trả cho chị H 600.000.000 đồng. Phía chị H có quan điểm đồng ý nhận 600.000.000 đồng do anh S tự nguyện trích trả công sức. Do đó cần ghi nhận sự tự nguyện về việc trích chia công sức của anh Nguyễn Văn S cho chị Đặng Thị H là 600.000.000 đồng.

[5] Án phí: Anh Nguyễn Văn S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 37, 38, 146, 147, 227, 228, 271, 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn S được ly hôn chị Đặng Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 24/3/2011 cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

Chị Đặng Thị H được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và công nợ: Ghi nhận sự tự nguyện về việc trích chia công sức của anh Nguyễn Văn S cho chị Đặng Thị H số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng).

4. Án phí: Anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh S đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000209 ngày 09/7/2024 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bắc Ninh.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đinh Văn Luận - Nguyễn Thị Bảy	**Nguyễn Văn Tính**